TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2024/DS-PT
Ngày: 31/10/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Sơn Nữ Phà Ca.**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Phạm Trường Thọ.**

2. Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Vân Khanh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2024/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Thanh Q**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978

2. Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Thi Kim L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q trình bày:*

Ông Q có đăng ký hộ kinh doanh, ngành nghề kinh doanh là bán gạo, tấm, cám, thức ăn chăn nuôi theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 54.F8.003440 ngày 07/5/2015. Ngày 25/3/2020, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H có đến đại lý của ông Q mua cám gạo, thức ăn chăn nuôi để bán lại, việc mua bán không lập thành văn bản. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận bán gối đầu và có nghĩa vụ trả lãi khi chậm thanh toán là 1,5%/tháng, khi nào ông T, bà H nghỉ bán phải trả đủ tiền cho ông.

Ông Q đã tiến hành lập sổ thanh toán, mỗi lần giao hàng, ông Q ghi vào sổ số hàng đã giao và giao sổ đó cho vợ chồng ông T bà H quản lý, ông Q cũng ghi chép lại vào 01 sổ khác, đến ngày tính tiền lần cuối, vợ chồng ông T bà H sẽ dùng sổ mà mình quản lý để đối chiếu lại với sổ của ông Q. Trong sổ có ghi rõ thời gian giao hàng. Người trực tiếp nhận tiền từ vợ chồng ông T bà H thường là vợ ông Q là bà Thi Kim L hoặc nhân viên đại lý. Vợ chồng ông T bà H đã tất toán xong tiền hàng cho đến năm 2019, và tiếp tục giao dịch với ông Q từ năm 2020 đến 09/02/2021 là kết thúc giao dịch vì thời gian sau này, vợ chồng ông T bà H dần không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho ông Q và cố tình trốn tránh. Do vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H trả số tiền mua cám gạo và thức ăn chăn nuôi còn nợ là 211.860.000 đồng. Do ông T, bà H không trả tiền theo thỏa thuận nên ông còn yêu cầu ông T, bà H có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất bằng 1,5%/tháng, tính từ ngày 02/01/2021 đến ngày 02/9/2023 là 32 tháng với số tiền lãi là 101.692.000 đồng. Tổng cộng ông yêu cầu ông T, bà H trả số tiền cả vốn và lãi là 313.552.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng là 127.761.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ 02/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%/tháng bằng số tiền 42.125.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 01/7/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diệu H trình bày:*

Ông T và bà H thống nhất như lời trình bày của ông Q về việc giao kết mua bán thức ăn và cám gạo, theo đó hai bên thỏa thuận mua bán theo hình thức gối đầu, khi giao hàng lần sau thì lấy tiền hàng của lần trước nhưng không thoả thuận về lãi. Quá trình mua bán hai bên thực hiện theo đúng như thỏa thuận, sau này ông bà ngưng bán thì còn nợ lại ông Q số tiền cám gạo là 94.256.000 đồng, ông bà đã trả được 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng, còn nợ lại 34.256.000 đồng và còn nợ số tiền thức ăn chăn nuôi là 33.505.000 đồng. Tổng cộng ông bà còn nợ ông Q số tiền 67.761.000 đồng, nên ông bà chỉ đồng ý trả cho ông Q 67.761.000 đồng. Về sổ giao hàng, ông T bà H thống nhất với lời trình bày của ông Q nhưng ông T không ký tên vào sổ mà ông Q quản lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến khi chốt nợ tiền cám gạo số tiền 94.256.000 đồng, ông đã trả cho ông Q 02 lần tiền bằng số tiền 60.000.000 đồng (thể hiện trong sổ do ông Q ghi). Hiện nay ông còn nợ ông Q số tiền tổng cộng là 67.761.000 đồng, gồm 34.256.000 đồng tiền cám gạo và tiền thức ăn là 33.505.000 đồng, ông cũng không đồng ý trả lãi chậm trả. Bà H xin được miễn án phí do thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã khó khăn.

** Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thi Kim L trình bày:* Bà là vợ của ông Q và cùng ông Q làm ăn mua bán. Sổ sách trong việc mua bán giữa ông Q và ông T, bà H ban đầu là do bà trực tiếp ghi, sau này bà giao cho nhân viên ghi. Nay ông Q khởi kiện, bà thống nhất như ý kiến của ông Q và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ Điều 91, Điều 93, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q số tiền mua thức ăn chăn nuôi và cám gạo còn nợ vốn là 127.761.000 đồng và lãi số tiền là 42.125.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi số tiền 169.886.000 đồng *(Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).*

Ngoài ra, tại Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 31/7/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H kháng cáo yêu cầu khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng đã trả, đồng ý trả số tiền còn nợ là 67.761.000 đồng và đồng ý tính lãi suất 10%/năm (từ ngày 02/4/2021 – 19/7/2024) là 21.934.000 đồng. Tổng cộng ông bà đồng ý trả cho ông Q số tiền là 89.694.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Diệu H thống nhất thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án: Ông Q chỉ yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ vốn mua cám gạo, thức ăn gia súc bằng số tiền 113.880.500 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông T, bà H đồng ý trả tiền nợ vốn mua cám gạo, thức ăn gia súc cho ông Q bằng số tiền 113.880.500 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Thanh Q số tiền nợ vốn mua bán cám gạo, thức ăn gia súc bằng số tiền 113.880.500 đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Diệu H; ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.847.000 đồng và ông T, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q và các bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H thống nhất thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án: Ông Q chỉ yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ vốn mua bán cám gạo, thức ăn gia súc bằng số tiền 113.880.500 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông T, bà H đồng ý trả tiền nợ vốn mua bán cám gạo, thức ăn gia súc cho ông Q bằng số tiền 113.880.500 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, bà H. Buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả tiền vốn cho ông Q bằng số tiền 113.880.500 đồng. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí:

Ông T, bà H phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho ông Q là 113.880.500 đồng x 5% = 5.694.000 đồng. Tuy nhiên, bà H thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà H được miễn án phí tương ứng ½ số tiền trên 5.694.000 đồng /2= 2.847.000 đồng; Còn lại ông T phải chịu ½ án phí tương ứng số tiền 2.847.000 đồng và các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0011489 ngày 02/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc ông T nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.547.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm về hoàn trả án phí cho nguyên đơn ông Q không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 93, Điều 94, Khoản 5 Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q số tiền mua thức ăn chăn nuôi và cám gạo là 113.880.500 đồng *(Một trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí,

Ông Nguyễn Văn T phải chịu ½ án phí dân sự tương ứng số tiền 2.847.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Diệu H.

Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0011489 ngày 02/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc ông Nguyễn Văn T nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.547.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3/ Các phần khác bản án sơ thẩm về hoàn trả án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thanh Q không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC + VKSNDCC: 02;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HTO: 01;
- Chi cục THADS TVL: 01;
- Chi Cục THADS HTO: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu VP: 01;
- Phòng KTNV&THA: 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Sơn Nữ Phà Ca